TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **130**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 07 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 186/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1987; Số định danh CN: 048087003334

Địa chỉ : Số H đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị Thanh H1**, sinh năm 1988; Số định danh CN: 048188003134

Địa chỉ: Số A đường A, tổ B, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà H1 và ông H yêu cầu Toà án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn của bà H1 và ông H đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, việc thuận tình ly hôn của bà H1 và ông H là tự nguyện, không trái

pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H xác định có 01 con chung là Trương An K, sinh ngày 13/7/2015 (Số định danh cá nhân: 048215010570). Ly hôn, bà H1 và ông H thoả thuận, bà Nguyễn Thị Thanh H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Trương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H phải chịu nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí HN&GĐ bà H1, ông H đã nộp theo biên lai thu số 0002688 ngày 23/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 30/03/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H xác định có 01 con chung là Trương An K, sinh ngày 13/7/2015 (Số định danh cá nhân: 048215010570). Ly hôn, bà H1 và ông H thoả thuận, bà Nguyễn Thị Thanh H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Trương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trương Văn H phải chịu nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm*

nghìn đồng) tạm ứng lệ phí HN&GĐ bà H1, ông H đã nộp theo biên lai thu số 0002688 ngày 23/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND phường Cẩm Lệ;
(GCNKH số 162 ngày 20/11/2013);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Thông